

BẢO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÀN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BẢO CÁO TẠI CHỖ	8-26

11/01/2024 09:11

BẢO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần An Thịnh (gọi tắt là "Công ty") để trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành trong kỳ và tài ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Huy Vinh	Chủ tịch	Ông Ngô Huy Vinh	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	Ông Vũ Trọng Huy	Thành viên
Ông Nguyễn Lương Hòa	Thành viên	Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Bà Quảng Thu Hằng	Thành viên	Bà Nông Thị Túe	Thành viên

Ban Giám đốc
Ông Ngô Huy Vinh
Ông Nguyễn Đình Thăng

Giám đốc
Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Huy Vinh

Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2022



02 Huỳnh Khương Ninh Street, District 1, Ho Chi Minh City
 Tel: (84-28) 3910 5401 / Fax: (84-28) 3910 5402
 Ha Noi Branch: Room 806, 17T3 Building, Hoang Dao Thuy Road,
 Cau Giay Dist, Ha Noi City
 Tel: (84-24) 6285 9222 / Fax: (84-24) 6285 9111
 Email: hanoi@vietlandaudt.com.vn

Số: 26303 /2022/BCTC-KTW/HN

BẢO CẢO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần An Thịnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần An Thịnh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/03/2021, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán tích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại thời điểm ngày 31/12/2021 của Chi nhánh Yên Bái cũng như văn phòng Công ty. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tình hiện hữu và chính xác của các khoản mục tiền mặt tại thời điểm ngày 31/12/2021 số tiền là 19,63 tỷ đồng.

Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng các khoản phải thu khách hàng khó đòi, trả trước cho người bán. Theo ước tính của kiểm toán viên căn cứ lập bổ sung khoảng 5,98 tỷ đồng. Nếu Công ty tiến hành trích lập thì trên Bảng cân đối kế toán chỉ tiêu "Dự phòng phải thu khó đòi" tăng thêm 5,98 tỷ đồng và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" giảm số tiền tương ứng.

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư tại ngày 31/12/2021 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải trả người bán ngắn hạn lần lượt là: 13,9 tỷ VND; 1,65 tỷ VND; 6,3 tỷ VND và các xác nhận số dư tại ngày 31/12/2020 của các khoản công nợ nêu trên với số tiền lần lượt khoảng 15,6 tỷ VND; 1,17 tỷ VND; 4,3 tỷ VND. Theo số sách của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cho các số dư công nợ nêu trên bằng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021.

Theo Biên bản thỏa thuận về việc thanh toán khoản đầu tư kỳ ngày 06/06/2019 giữa Công ty Cổ phần An Thịnh và Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đông Mỹ về việc chấm dứt Hợp đồng liên kết kinh doanh số 01/LKKD/2011-DM-AT ký ngày 03/01/2011 và Hợp đồng cho vay số 01.08.13/HĐVV ký ngày 01/08/2013. Theo thỏa thuận thì Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Đông Mỹ chuyển trả cho Công ty số tiền đầu tư là: 118.151.570.961 đồng; tiền vay và lãi vay đến ngày lập thỏa thuận là: 35.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại mới thu được 22,6 tỷ tiền đầu tư. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng để danh giá khả năng tiếp tục thu hồi được khoản tiền đầu tư, cũng như gốc vay và lãi vay nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định được số tiền cần chính Chi tiêu dự phòng phải thu khó đòi bổ sung và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản vay đã quá hạn phải trả cả gốc và lãi là khoảng 42,4 tỷ đồng. Chúng tôi chưa thu thập được các thỏa thuận cho phép gia hạn các khoản vay nói trên cũng như chưa thu thập được các bằng chứng liên quan đến khả năng thanh toán các khoản nợ.

Từ chối đưa ra ý kiến

Công ty đã bị Cục thuế tỉnh Bắc Kạn ra thông báo số 1757/TB-CT ngày 21/09/2020 về việc cưỡng chế hóa đơn không còn giá trị sử dụng do không chấp hành nộp tiền nợ thuế và tiền chậm nộp.

Vấn đề cần nhân mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết Minh II.1. Hoạt động kinh doanh năm 2021 sụt giảm đáng kể, kết quả kinh doanh lỗ 77.283.552.863 đồng. Lô lụy kể đến 31/12/2021 là 95.797.061.756 đồng; nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 18.983.185.313 đồng. Hoạt động kinh doanh chưa có hợp đồng mới, chỉ hoạt động dịch vụ kiểm định và cho thuê tài sản. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trong yêu cầu thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban giám đốc Công ty cam kết Công ty vẫn đồng ý liên tục. Theo đó Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội



ĐỒ THỊ THU HUYỀN - Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2991-2020-037-1

TRẦN THỊ THANH TÚ - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3372-2020-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGĂN HẠN	100		61.517.152.162	87.881.668.686
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.637.924.281	2.949.551.165
1. Tiền	111		19.637.924.281	2.949.551.165
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.886.341.095	79.875.884.958
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		32.192.404.391	33.898.975.868
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.269.729.689	21.952.702.075
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		25.000.000.000	25.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		25.003.150.000	22.603.150.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(48.578.942.985)	(23.578.942.985)
IV. Hàng tồn kho	140		4.821.275.234	4.867.907.799
1. Hàng tồn kho	141		4.821.275.234	4.867.907.799
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		171.611.552	188.324.764
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		160.307.732	177.020.944
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		11.303.820	11.303.820
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		65.026.123.557	113.560.675.172
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		47.959.306.978	95.718.036.837
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	95.735.092.458	95.718.036.837
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(47.775.785.480)	-
II. Tài sản cố định	220		12.180.355.486	12.935.481.786
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.361.393.923	2.702.984.999
- Nguyên giá	222		29.766.135.672	30.392.562.511
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.404.741.749)	(27.689.577.512)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	9.818.961.563	10.232.496.787
- Nguyên giá	228		10.338.380.593	10.338.380.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(519.419.030)	(105.883.806)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.870.939.510	4.870.939.510
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.870.939.510	4.870.939.510
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.521.583	36.217.039
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	15.521.583	36.217.039
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		126.543.275.719	201.442.343.858

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ		300		83.500.337,475	81.115.852,751
I. Nợ ngắn hạn		310		80.500.337,475	81.115.852,751
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.11	6.359.111,436	6.409.111,436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		2.788.085,000	2.813.085,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.12	3.182.971,126	4.800.176,126
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.14	32.464.836,086	27.673.146,362
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.15a	1.965,064	1.965,064
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn		320	V.13	35.703.368,763	39.418.368,763
II. Nợ dài hạn		330		3.000.000,000	-
7. Phải trả dài hạn khác		337	V.15b	3.000.000,000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		43.042.938,244	120.326.491,107
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.16	43.042.938,244	120.326.491,107
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		138.840.000,000	138.840.000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		411a		138.840.000,000	138.840.000,000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		(95.797.061,756)	(18.513.508,893)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		(18.513.508,893)	(7.735.108,914)
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		(77.283.552,863)	(10.778.399,979)
TỔNG CÔNG NGUYÊN VỐN		440		126.543.275,719	201.442.343,858



(Handwritten signature in blue ink)

(Handwritten signature in blue ink)

Ngô Huy Vinh

Và Thị Hành

Và Thị Hành

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	91.681.817	59.254.547
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	91.681.817	59.254.547
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	49.132.565	88.074.220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.549.252	(28.819.673)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.400.032.516	2.400.018.935
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.791.689.724	4.525.280.201
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.791.689.724	4.525.277.528
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	74.632.454.050	8.419.557.382
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(76.981.562.006)	(10.573.638.321)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	150.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	451.990.857	204.761.658
13. Lợi nhuận khác	40	VI.6	(301.990.857)	(204.761.658)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(77.283.552.863)	(10.778.399.979)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(77.283.552.863)	(10.778.399.979)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(5.566)	(776)



(Handwritten signature in blue ink)

(Handwritten signature in blue ink)

Ngô Huy Vinh

Vũ Thị Hạnh

Vũ Thị Hạnh

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÃ SỐ B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		198.534.658	480.574.183		
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(237.814.203)	(1.155.005.575)		
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(271.375.680)	(372.992.358)		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		21.801.218.435	2.148.626.804		
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.237.222.610)	(269.449.871)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.253.340.600	831.753.183		
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		150.000.000	-		
7. Tiền thu lại cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27		32.516	18.935		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		150.032.516	18.935		
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.715.000.000)	(1.522.200.000)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.715.000.000)	(1.522.200.000)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		16.688.373.116	(690.427.882)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.949.551.165	3.639.979.047		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		19.637.924.281	2.949.551.165		
		V.1				



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Ngô Huy Vinh

Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

Vũ Thị Hành

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hành

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần An Thịnh là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4700145463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 01/03/2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 11 tháng 07 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty là: 138.840.000.000 đồng, được chia thành 13.884.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính: Số 11, Tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thành Phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là: Thương mại, dịch vụ, xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Sửa chữa, bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ; Sản xuất, vận ép và van móng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rom, rá và vật liệu tết bện; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình đường bộ; Lắp đặt hệ thống điện; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty dưới 12 tháng.

5. Cấu trúc của Doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc sau:

Chi nhánh

- Công ty CP An Thịnh – CN Bắc Ninh

- Công ty CP An Thịnh – CN Yên Bái

- Công ty CP An Thịnh – CN Hà Nội

- Công ty CP An Thịnh – CN Thái Nguyên

Địa chỉ

Số 20, ngõ 110, đường Lý Thường Kiệt, khu 7 -

Phường Thị Cầu - Thành phố Bắc Ninh - Bắc Ninh

Khu công nghiệp phía Nam - Xã Văn Phú - Thành phố Yên Bái - Yên Bái.

Khu Văn Phòng, Đồi Mọc, Thôn Tân Phúc - Xã Sơn Đông - Thị Xã Sơn Tây - Hà Nội.

Số 188 đường Thống Nhất - Phường Đồng Quang - Thành phố Thái Nguyên - Thái Nguyên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KÝ KẾ TOÁN

1. Gia thiết về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Hoạt động kinh doanh năm 2021 sụt giảm đáng kể, kết quả kinh doanh lỗ 77.283.552.863 đồng. Lỗ lũy kế đến 31/12/2021 là 95.797.061.756 đồng; nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 18.983.185.313 đồng. Các hoạt động kinh doanh chưa có hợp đồng mới, chỉ hoạt động dịch vụ kiểm định và cho thuê tài sản. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yêu cầu không chắc chắn trong yêu cầu thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban giám đốc công ty cam kết công ty vẫn hoạt động liên tục. Theo đó Báo cáo tài chính kèm theo của công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định đáp ứng hoạt động liên tục.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Năm tài chính

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán từ do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, từ từ xuống hợp lý theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

3. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân mới độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi các bên tham gia. Trường hợp hợp nhân tiên, tài sản của các bên khác đồng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (HCC) được kế toán ghi nhận là nợ phải trả. Trường hợp đưa ra tiên, tài sản di đồng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (HCC) thì ghi nhận là nợ phải trả. Trong quá trình thực hiện hoạt động HCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể sau:

Nếu các bên qui định cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của HCC thì:
- Các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của HCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của HCC và được đồng góp được thông báo từ HCC.
- Bên thực hiện kế toán của HCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của HCC với ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận HCC.

Nếu HCC qui định các bên khác tham gia HCC được hưởng khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì:
- Các bên khác ghi nhận doanh thu cho thuế tài sản đối với khoản được chia từ HCC.
- Bên thực hiện kế toán của HCC ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của HCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình, trong đó có chi phí của HCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia HCC.

4.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ từ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán:

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Nợ phải thu khác:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Số tăng hoặc giảm số dư tại khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá trị nhập hòm giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

6.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Tài sản khác	03 - 08
Số năm	

7.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

8.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

9.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

10.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

11.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12.

Doanh thu

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thông nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó đã được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thu nhập được tính bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cũng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ

TOÀN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Cuối năm	Đầu năm
19.633.888.786	2.943.248.677
4.035.495	6.302.488
Tiền gửi ngân hàng	
Tiền mặt	
Cộng	
19.637.924.281	2.949.551.165

2. Phải thu ngân hàng của khách hàng

Cuối năm	Đầu năm
2.823.467.510	2.823.467.510
2.823.467.510	2.823.467.510
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Anh Hưng	
- Công ty CP XNK Lâm nghiệp Yên Bái	
- Công ty CP Xây dựng Phát triển Đại Dương	
- Ban QLDG Giao thông Bắc Kạn - Sở GTVT Bắc Kạn	
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sơn Phát	
- Các khoản phải thu khách hàng khác	
Cộng	
32.192.404.391	33.898.975.868

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Cuối năm	Đầu năm
1.539.642.200	1.539.642.200
1.539.642.200	1.539.642.200
- Công ty TNHH Bình Thanh	
- Công ty TNHH Phát triển KS Đông Dương	
- Công ty CP Do đặc và KS - XNKS thăm dò địa chất	
- Công ty TNHH TMDV Phát triển Chiến Thắng PRO	
- Các khoản phải trả người bán khác	
Cộng	
3.269.729.689	21.952.702.075

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

(*) Trả trước cho bên liên quan xem thuyết minh VII.1

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Cuối năm	Đầu năm
25.000.000.000	25.000.000.000
25.000.000.000	25.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô (*)	
Cộng	
25.000.000.000	25.000.000.000

(*) Cho công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô vay theo Hợp đồng vay số 01.08.13/HĐVV ký ngày 1/8/2013 và Phụ lục số 25.10.14/HĐVV ngày 25/10/2014. Thời hạn vay 5 năm tính từ ngày khoản vay giải ngân. Lãi suất cho vay là 9,6%/năm. Lãi suất được thanh toán 1 lần khi đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

5. Các khoản phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Gia trị	Dự phòng	Gia trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	25.003.150.000	-	22.603.150.000	-
- Phải thu về lãi cho vay	16.800.000.000	-	14.400.000.000	-
- Tạm ứng	8.200.000.000	-	8.200.000.000	-
- Phải thu khác	3.150.000	-	3.150.000	-
b. Dài hạn	95.735.092.458	47.775.785.480	95.718.036.837	-
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô (*)	95.551.570.961	(47.775.785.480)	95.551.570.961	-
- Thu hồi phí xăng xe	693.120	-	693.120	-
- Kỳ quỹ, kỳ cước	182.828.377	-	165.772.756	-
Cộng	120.738.242.458	(47.775.785.480)	118.321.186.837	-

(*) Là khoản phải thu theo Hợp đồng liên kết kinh doanh số 01/LKKD/2011-DM-AT ngày 03/01/2011 về

việc xây dựng và vận hành Dự án Khu nghỉ dưỡng SPA Cây Bò để lại Đạo Kê Xiết, Hồ Đông Mô, xã Sơn Đông, Thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội do Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô làm Chủ đầu tư, cụ thể: Tổng vốn góp dự kiến để thực hiện dự án khoảng 440 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần An Thịnh góp từ 130-140 tỷ đồng; thời gian hợp tác là 22 năm kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng hoặc đến khi có thỏa thuận khác. Hình thức góp vốn: bằng tiền, tài sản, hàng tồn kho, nhân công và các tài sản khác không trả qui định của pháp luật. Hình thức phân chia lợi ích hay thua lỗ dựa trên việc phân chia chi tiêu thu nhập trước thuế + Lãi vay + Khấu hao (EBITDA) từ việc kinh doanh dịch vụ hàng năm của dự án.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/ATB/NQ-DHĐCĐ ngày 24/06/2019 thông qua việc thu hồi lại khoản Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đông Mô để tái cơ cấu trực lại khoản đầu tư. Hai bên đã có Biên bản thỏa thuận về việc thanh toán khoản đầu tư ký ngày 06/06/2019. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Công ty mới thu hồi được 22,6 tỷ.

(**) Các khoản phải thu với bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1)

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	154.439.930	-	154.439.930	-
- Chi phí SX, KD dở dang	4.666.835.304	-	4.713.467.869	-
Cộng	4.821.275.234	-	4.867.907.799	-

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
- Công cụ dùng cũ xuất dùng	15.521.583	-	15.521.583	-
Cộng	15.521.583	-	15.521.583	-

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Số 11, tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thành Phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Bảo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	6.145.675.729	15.063.426.543 (626.426.839)	9.046.324.675	87.135.564	50.000.000	30.392.562.511 (626.426.839)
Thanh lý, phá dỡ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	6.145.675.729	14.436.999.704	9.046.324.675	87.135.564	50.000.000	29.766.135.672
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	3.649.812.446	15.058.426.545	8.896.952.957	83.135.564	1.250.000	27.689.577.512
Khấu hao trong năm	288.070.876	4.999.998	42.020.202	4.000.000	2.500.000	341.591.076
Thanh lý, phá dỡ	-	(626.426.839)	-	-	-	(626.426.839)
Số dư cuối năm	3.937.883.322	14.436.999.704	8.938.973.159	87.135.564	3.750.000	27.404.741.749
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	2.495.863.283	4.999.998	149.371.718	4.000.000	48.750.000	2.702.984.999
Tại ngày cuối năm	2.207.792.407	-	107.351.516	-	46.250.000	2.361.393.923

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.673.704.965 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ thể chấp tại ngày 31/12/2021 là: 2.596.485.002 đồng

9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khóa mục	Quyền khai thác mỏ	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	10.338.380,593	10.338.380,593
Số dư đầu năm	10.338.380,593	10.338.380,593
Mua trong năm	-	-
Số dư cuối năm	10.338.380,593	10.338.380,593
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ	-	-
Số dư đầu năm	105.883,806	105.883,806
Khấu hao trong năm	413.535,224	413.535,224
Số dư cuối năm	519.419,030	519.419,030
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	10.232.496,787	10.232.496,787
Tại ngày đầu năm	9.818.961,563	9.818.961,563
Tại ngày cuối năm	10.232.496,787	10.232.496,787

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí tham dò khai thác mỏ
- Dự án trụ sở làm việc Công ty

Công

Cuối năm	Đầu năm
1.490.638,313	1.490.638,313
3.380.301,197	3.380.301,197
<u>4.870.939,510</u>	<u>4.870.939,510</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Số 11, tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thành Phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Cuối năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Đầu năm
- Công ty Cổ Phần Thương mại Hà Chung	2.050.374.480	2.050.374.480	2.050.374.480	2.050.374.480	2.050.374.480	2.050.374.480
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bắc Kạn	1.626.644.764	1.626.644.764	1.626.644.764	1.626.644.764	1.626.644.764	1.626.644.764
- Công TNHH MTV Ngọc Tùng	901.633.590	901.633.590	901.633.590	901.633.590	901.633.590	901.633.590
- Các khoản phải trả người bán khác	1.780.458.602	1.780.458.602	1.780.458.602	1.830.458.602	1.830.458.602	1.830.458.602
Cộng	6.359.111.436	6.359.111.436	6.409.111.436	6.409.111.436	6.409.111.436	6.409.111.436

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm			Đầu năm		
	Phải thu đầu năm	Phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Phải thu cuối năm	Phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	3.637.362.409	24.168.183	1.641.373.183	-	2.020.157.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.162.813.717	-	-	-	1.162.813.717
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	11.303.820	-	34.494.314	34.494.314	11.303.820	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	376.415.898	376.415.898	-	-
Cộng	11.303.820	4.800.176.126	438.078.395	2.055.283.395	11.303.820	3.182.971.126

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Số 11, tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thành Phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Bảo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày

31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bắc Kạn (*)	35.703.368.763	35.703.368.763	-	3.715.000.000	39.418.368.763	39.418.368.763
Cộng	35.703.368.763	35.703.368.763	-	3.715.000.000	39.418.368.763	39.418.368.763

(*) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Kạn theo các hợp đồng tín dụng theo món và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 04/2016/789057/HDTĐ ngày 30/12/2016 về sửa đổi lịch trả nợ gốc, lãi và số 01/2017/789057/HDTĐ ngày 20/02/2017 về sửa đổi lãi suất các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí các hợp đồng thi công trình kỹ với khách hàng.

- Thời hạn cho vay: Từ 04 đến 11 tháng, đã gia hạn một số khoản đến 31/12/2020 và 31/12/2021.

- Lãi suất cho vay: Áp dụng cho thời điểm hiện tại là từ 9%/năm đến 10,5%/năm.

- Hình thức đảm bảo tiền vay: thế chấp bằng tài sản, các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, tài khoản tiền gửi tại ngân hàng.

14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi vay phải trả	32.464.836,086	27.673.146,362
Cộng	32.464.836,086	27.673.146,362

15. Phải trả khác

	Cuối năm	Đầu năm
a. Ngân hạn	1.965,064	1.965,064
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.965,064	1.965,064
Cộng	1.965,064	1.965,064

b. Dài hạn
- Nhân kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn

Cộng	3.000,000,000	-
------	---------------	---

16. Vốn chủ sở hữu

16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC	138.840.000,000	(7.735,108,914)	131.104.891,086
Số dư đầu năm	138.840.000,000	(10.778,399,979)	(10.778,399,979)
Lãi (lỗ) trong năm trước	-	(18.513,508,893)	120.326,491,107
Số dư cuối năm	138.840.000,000	(18.513,508,893)	120.326,491,107
NĂM NAY	138.840.000,000	(18.513,508,893)	120.326,491,107
Số dư đầu năm	138.840.000,000	(77.283,552,863)	(77.283,552,863)
Lãi (lỗ) trong năm	-	(95.797,061,756)	43.042,938,244
Số dư cuối năm	138.840.000,000	(95.797,061,756)	43.042,938,244

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.560.456	69.496.253
Chi phí nhân viên quản lý	285.689.064	344.362.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	334.091.076	375.663.299
Chi phí dự phòng	72.775.785.481	7.045.448.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.748.945	57.236.737
Chi phí khác bằng tiền	1.142.579.028	527.350.369
Cộng	74.632.454.050	8.419.557.382

6.

Lợi nhuận khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	150.000.000	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	150.000.000	-
Thu nhập khác	451.990.857	204.761.658
Chi phí khác	418.535.224	108.383.806
Chi phí khấu hao TSCĐ	33.455.633	83.477.852
Tiền phát chậm nộp bảo hiểm, thuế	-	12.900.000
Lợi nhuận khác	(301.990.857)	(204.761.658)

7.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	(77.283.552.863)	(10.778.399.979)
Điều chỉnh tăng	451.990.857	204.761.658
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	451.990.857	204.761.658
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế tính năm hiện hành	(76.831.562.006)	(10.573.638.321)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	- Công ty TNHH Phát triển KS Đông Dương - Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô Hoàn ứng tiền hàng Lãi cho vay trong kỳ	18.790.000.000 2.400.000.000
--	---	---------------------------------

	- Công ty TNHH Phát triển KS Đông Dương - Công ty CP Đầu tư Thương mại Đông Mô - Bà Lê Thị Thu Hiền - Ông Lô Đình Ních - Ông Ngô Huy Vinh Nội dung nghiệp vụ Ông Lê Trung Hiếu - Giám đốc Công ty là em bà Lê Thị Thu Hiền Chủ tịch HĐQT đến 02/04/2021 Ông Vũ Trọng Huy - Thành viên HĐQT làm đại diện pháp luật Chủ tịch HĐQT đến 2/4/2021 Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT kiêm đốc	18.790.000.000 2.400.000.000
--	---	---------------------------------

1. **NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**
 Thông tin về các bên liên quan
 Bên liên quan
 Mọi quan hệ

	Chi phí nguyên liệu, vật liệu Chi phí nhân công Chi phí khấu hao tài sản cố định Chi phí dịch vụ mua ngoài Chi phí khác bằng tiền Năm nay 23.560.456 285.689.064 755.126.300 70.748.945 1.142.579.028	1.583.467.188 2.277.703.793
--	---	--------------------------------

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố
 (*): Công ty chưa có kế hoạch trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế do đó không có số liệu trình bày.

	Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*) Các khoản điều chỉnh (*) Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu) Năm nay (77.283.552.863) (77.283.552.863) - (10.778.399.979) 13.884.000	(776) (5.566)
--	---	------------------

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu
 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH
 Mẫu số B 09 - DN

3.1. Các loại công cụ tài chính

Gia trị ghi số

Cuối năm	Đầu năm
----------	---------

Tài sản tài chính	Công
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.637.924.281
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.616.611.406
Phải thu về cho vay	-
Đầu tư dài hạn	47.775.785.481
Công	101.030.321.168
Nợ phải trả tài chính	Công
Các khoản vay	35.703.368.763
Phải trả người bán và phải trả khác	9.361.076.500
Chi phí phải trả	32.464.836.086
Công	77.529.281.349
	73.502.591.625

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Công ty cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trả đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1. Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biên động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giám sát biến động ngoại tệ trong.

3.3.2. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nắm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3.3. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Số 11, tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thành Phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mức đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phù trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phải sinh và tài sản tài chính phi phải sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Kh khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tải ngày cuối năm			
Các khoản vay	35.703.368.763	-	35.703.368.763
Phải trả người bán và phải trả khác	6.361.076.500	3.000.000.000	9.361.076.500
Chi phí phải trả	32.464.836.086	-	32.464.836.086
Công	74.529.281.349	3.000.000.000	77.529.281.349
Tải ngày đầu năm			
Các khoản vay	39.418.368.763	-	39.418.368.763
Phải trả người bán và phải trả khác	6.411.076.500	-	6.411.076.500
Chi phí phải trả	27.673.146.362	-	27.673.146.362
Công	73.502.591.625	-	73.502.591.625
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tải ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.637.924.281	-	19.637.924.281
Phải thu khách hàng và phải thu khác	33.433.089.909	183.521.497	33.616.611.406
Phải thu về cho vay	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Công	53.071.014.190	47.959.306.978	101.030.321.168
Tải ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.949.551.165	-	2.949.551.165
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.923.182.883	166.465.876	33.089.648.759
Phải thu về cho vay	25.000.000.000	-	25.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	95.551.570.961	95.551.570.961
Công	60.872.734.048	95.718.036.837	156.590.770.885

CÔNG TY CỔ PHẦN AN THỊNH

Số 11, tổ 8A, Phường Đức Xuân, Thành Phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

- 4. Các khoản công nợ tiềm tàng
- 5. Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2021.
- 5. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán
- 6. Không có sự kiện nào cần trình bày sau ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đại Việt tại Hà Nội kiểm toán.



Ngô Huy Vinh

Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2022

Và Thị Hành
Kế toán trưởng

Và Thị Hành
Người lập biểu